

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy Cơ khí Trí Việt Ninh Thuận - công suất 500.000 tấn/năm thuộc lô N4a và một phần lô N2b, Cụm công nghiệp Tháp Chàm, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Trí Việt Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy Cơ khí Trí Việt Ninh Thuận - Công suất 500.000 tấn/năm họp ngày 31 tháng 7 năm 2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy Cơ khí Trí Việt Ninh Thuận - Công suất 500.000 tấn/năm (đã được chỉnh sửa, bổ sung) kèm theo Văn bản số 04/CVGT-TVNT ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Công ty Cổ phần Trí Việt Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4008/TTr-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy Cơ khí Trí Việt Ninh Thuận - Công suất 500.000 tấn/năm của Công ty

Cổ phần Trí Việt Ninh Thuận (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại lô N4a và một phần lô N2b, Cụm công nghiệp Tháp Chàm, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Giám đốc Công ty Cổ phần Trí Việt Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh P.V.Hậu;
- UBND phường Đô Vinh;
- Chủ dự án (3b);
- VPUB: CVP, PVP (L.T.Dũng), KTTH;
- Lưu: Văn thư, Hòa.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Hậu

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY CƠ KHÍ TRÍ VIỆT NINH THUẬN - CÔNG SUẤT 500.000 TẤN/NĂM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nhà máy Cơ khí Trí Việt Ninh Thuận - công suất 500.000 tấn/năm.

- Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Trí Việt Ninh Thuận.

- Địa điểm thực hiện tại: Lô N4a và một phần lô N2b, Cụm công nghiệp Tháp Chàm, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

a) Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích sử dụng đất của Dự án: 13.036 m².

- Công suất Dự án: 500.000 tấn thành phẩm/năm (tương đương 5.000 lò hơi có công suất từ 1 tấn hơi/giờ đến 20 tấn hơi/giờ mỗi năm).

b) Công nghệ sản xuất của Dự án: Sử dụng máy móc, thiết bị để thiết kế, chế tạo, lắp đặt nồi hơi.

c) Các hạng mục, công trình chính của Dự án, bao gồm: 01 nhà xưởng, 01 nhà kho, 01 nhà điều hành.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

a) Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Giai đoạn xây dựng*: Chủ yếu là tác động do bụi, tiếng ồn, khí thải phát sinh từ quá trình tập kết, bốc xúc, vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và nước thải sinh hoạt của công nhân.

- *Giai đoạn vận hành*: Chủ yếu là tác động do bụi, tiếng ồn, khí thải phát sinh từ quá trình đập, cắt, mài, đánh bóng của quá trình sản xuất; hơi dung môi phát sinh từ quá trình phun sơn; chất thải rắn và nước thải sinh hoạt của công nhân.

b) Quy mô, tính chất của nước thải

- *Giai đoạn xây dựng*: Chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân với lưu lượng phát sinh khoảng 1 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, Amoni, Coliforms,...

- *Giai đoạn vận hành*:

+ Nước thải sinh hoạt: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,6 – 1,1 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, Amoni, Coliforms,...

+ Nước thải sản xuất: Chủ yếu là nước phun dập bụi sơn định kỳ (02 tháng/lần) thải bỏ, với lượng thải khoảng 1,5 m³/lần thải.

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn

- *Giai đoạn thi công*: Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO_x), tiếng ồn: Phát sinh từ quá trình đào đắp san lấp mặt bằng, thi công tuyến đường, thi công xây dựng nhà xưởng, nhà điều hành, hoạt động san ủi đầm nén bốc xúc, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng;...

- *Giai đoạn vận hành*: Bụi kim loại: Phát sinh từ quá trình gia công cơ khí: dập, cắt, khoan, mài, với lượng thải khoảng 137 kg/ngày; Bụi sơn phát sinh từ hoạt động phun sơn khoảng 0,03 kg/giờ; hơi dung môi phát sinh từ hoạt động phun sơn khoảng 0,0006 kg/giờ.

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- *Giai đoạn thi công*:

+ Chất thải rắn sinh hoạt công nhân: Khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa, bao bì.

+ Chất thải rắn xây dựng: Khoảng 100 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá, sắt thép vụn, mảnh gỗ hư hỏng, xà bần.

- *Giai đoạn vận hành*:

+ Chất thải rắn sinh hoạt công nhân: Khoảng 52 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn và thức ăn dư thừa.

+ Chất thải rắn sản xuất: Khoảng 176 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chai, lọ, giấy phế liệu, sắt thép phế liệu, bao bì và thùng đựng hóa chất, pallet hư hỏng,...

đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- *Giai đoạn thi công*: Lượng chất thải nguy hại: Khoảng 30 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải.

- *Giai đoạn vận hành*: Lượng chất thải nguy hại: Khoảng 10.041,4 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, hộp mực in, dầu nhớt thải, bình ắc quy, bao bì cứng, vật liệu lọc, chất hấp thụ, chất kết dính và chất bịt kín có dung môi hữu cơ, than hoạt tính thải, cặn sơn thải, nước thải từ quá trình xử lý khí.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

a) Về thu gom và xử lý nước thải:

- *Giai đoạn thi công*: Xây dựng 01 bể tự hoại với dung tích 22 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt công nhân. Quy trình xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 03 ngăn → hồ chứa (thả lục bình, nuôi cá) → nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*) → tái sử dụng để tưới cây xanh trong khu vực Dự án (không thải ra ngoài).

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Nước thải sinh hoạt: Tiếp tục sử dụng 01 bể tự hoại đã xây dựng trong giai đoạn thi công để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân giai đoạn này. Quy trình xử lý và tái sử dụng nước thải tương tự như giai đoạn thi công.

+ Nước thải sản xuất: Nước phun dập bụi sơn định kỳ thải bỏ, được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý cùng với chất thải nguy hại.

b) Về giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung:

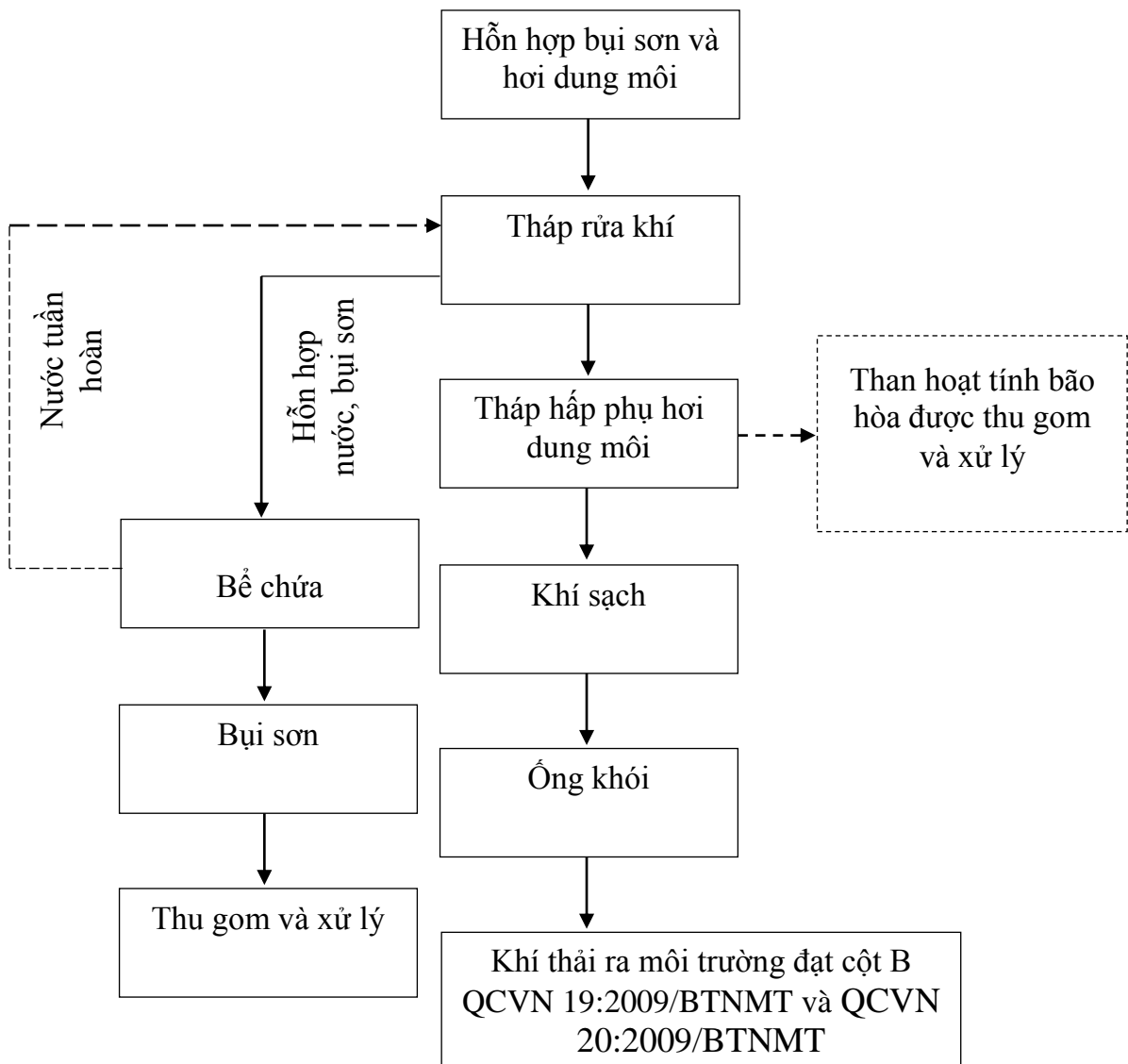
- *Giai đoạn thi công:* Phun nước tạo độ ẩm trên toàn bộ bề mặt thi công, tuyến đường vận chuyển nội bộ, tần suất phun tối thiểu 02 lần/ngày với lượng nước phun 2 m³/ lần; che chắn công trình xây dựng để hạn chế lượng bụi phát tán ra môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực xung quanh; che phủ thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu nhằm hạn chế bụi phát tán; bố trí thời gian vận chuyển của các phương tiện hợp lý.

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, kính bảo hộ,... Hàng ngày, vào cuối giờ làm việc tiến hành vệ sinh khu vực gia công cơ khí để thu gom toàn bộ lượng bụi kim loại phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

+ Lắp đặt 03 hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi tại 03 buồng phun sơn để xử lý khí thải đạt giá trị cột B, QCVN 19:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) và QCVN 20:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ*) trước khi thải ra môi trường.

Sơ đồ công nghệ xử lý bụi sơn và hơi dung môi tại mỗi buồng phun sơn của nhà máy:



c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- *Giai đoạn thi công:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt công nhân: Bố trí 20 thùng rác dung tích 240 lít và xây dựng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 20 m² để lưu chứa tạm thời rác thải sinh hoạt; hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận hoặc đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Các loại chất thải như sắt, thép vụn, bao bì xi măng được thu gom để bán phế liệu.

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Tiếp tục sử dụng lại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đã được đầu tư trong giai đoạn xây dựng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt công nhân giai đoạn này; hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Sản xuất

Nam Thành Ninh Thuận hoặc đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sản xuất: Chủ yếu là bao bì, mảnh nhựa, mảnh vụn kim loại có kích thước nhỏ, các loại phế liệu bằng sắt thép, được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- *Giai đoạn thi công*: Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 30 m² để lưu chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Giai đoạn vận hành*: Tiếp tục sử dụng lại kho lưu chứa chất thải nguy hại đã được đầu tư trong giai đoạn xây dựng để lưu chứa chất thải nguy hại giai đoạn này và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

đ) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với tấm than hoạt tính bị thủng: Thường xuyên kiểm tra các tấm than hoạt tính lắp đặt trong 03 hệ thống xử lý khí thải tại 03 buồng phun sơn; định kỳ 06 tháng thay tấm than hoạt tính một lần; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng tấm than hoạt tính để hạn chế tối đa các hỏng hóc xảy ra.

- Bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải lắp đặt tại 03 buồng phun sơn.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Bố trí, lắp đặt các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định. Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy; đồng thời phối hợp chặt chẽ với bộ phận phòng cháy, chữa cháy của Cụm công nghiệp để lập kế hoạch thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy nổ của Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

a) Giai đoạn thi công:

- 01 bể tự hoại có dung tích 22 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt;
- 01 kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 20 m²;
- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 30 m².

b) Giai đoạn vận hành:

- 01 bể tự hoại có dung tích 22 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt;
- 01 kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 20 m²;
- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 30 m²;
- 03 hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi tại 03 buồng phun sơn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

a) Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công:

- Thông số: Tổng bụi lơ lửng và tiếng ồn.
- Vị trí: 02 vị trí (tại ranh giới đầu hướng gió và tại ranh giới cuối hướng gió của Dự án theo mùa gió chủ đạo trong năm).
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm (bao gồm nước thải và khí thải): Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại:

- *Đối với khí thải:*
 - + Thông số: Bụi tổng, toluen, xylen, lưu lượng.
 - + Vị trí: 06 vị trí.
 - . 03 vị trí trước hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi từ công đoạn phun sơn.
 - . 03 vị trí tại 03 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi từ công đoạn phun sơn.
 - + Tần suất: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) cột B và QCVN 20:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ*).
- *Đối với nước thải:*
 - + Thông số: pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Nitrat (tính theo N), Tổng Coliforms.
 - + Vị trí: 02 vị trí, đầu vào và đầu ra của bể tự hoại.
 - + Tần suất: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*), cột B (k = 1,2).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải, tiếng ồn tại báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và bảo đảm khí thải, bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án không làm ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh; khí thải từ quá trình phun sơn tại buồng sơn phải được xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 19:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) và QCVN 20:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với*

một số chất hữu cơ) trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Toàn bộ chất thải thông thường; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện đúng, đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát; đồng thời, đảm bảo kinh phí để thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường./.